TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày: 12-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông **Phạm Phước Tâm.**

2- Bà **Võ Thị Điệp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hữu Hậu –** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1/ **Cao Văn T**, sinh năm 1969, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn L, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Hà Thị C, sinh năm 1936 (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2/ **Cao Văn K**, sinh năm 1999, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T, sinh năm 1969 (còn sống) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970 (còn sống); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3/ **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1992, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn P, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1960; gia đình có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Cao Vũ L**, sinh năm 1994; Cư trú: Ấp L, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2020 tài khoản Facebook Nguyen G của Nguyễn Văn G được tài khoản Facebook có tên Thư M kết bạn và giới thiệu dịch vụ nhận làm các loại giấy tờ giả, có lần G đến nhà ông Cao Văn T ngụ cùng xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp chơi thì nghe ông Tài nói về nhu cầu tìm mua giấy phép lái xe hạng A1 giả cho hai con Cao Văn K và Cao Vũ L nên G đồng ý đặt mua theo yêu cầu của Tài. Sau đó G nhắn tin cho tài khoản Facebook Thư M thỏa thuận làm giả một giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.200.000 đồng, hai giấy 2.400.000 đồng. Sau đó, bị cáo T kêu L và K đưa ảnh 3x4 cùng giấy chứng minh nhân dân để G chụp ảnh gửi cho tài khoản Facebook Thư M. Tám ngày sau, G nhận được cuộc gọi từ tài khoản Thư M thông qua ứng dụng Facebook thông báo đến cổng Trạm y tế xã B, huyện N để nhận hàng. Lúc này, G gọi điện thoại gặp K, kêu K đi đến địa chỉ trên gặp một người đàn ông lạ mặt không rõ nhân thân nhận một gói hàng (không có thông tin người gửi) bên trong có 02 giấy phép lái xe hạng A1 tên Cao Văn K, Cao Vũ L và thanh toán số tiền 2.400.000 đồng. Nhận xong, K giữ giấy phép lái xe của K để sử dụng, giao giấy phép lái xe của L cho L. Đến ngày 24/02/2020, khi K điều khiển xe môtô biển số 66N1-37202 trên Quốc lộ 30 hướng TP. Cao Lãnh – An Hữu đến Km 15 thuộc địa phận xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh thì bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp tạm dừng xe để kiểm tra các giấy tờ có liên quan gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, giấy phép lái xe hạng A1, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực thì phát hiện K không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực nên lập biên bản tạm giữ giấy xe hạng A1, số 870191407322 tên Cao Văn K. Tiến hành rà soát dữ liệu nhưng không tìm thấy thông tin về giấy phép lái xe đã tạm giữ, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp ra quyết định trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 196/KL-KTHS ngày 06/3/2020 và bản kết luận giám định số 312/KL-KTHS ngày 16/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Giấy phép lái xe hạng A1, số 870191407322 tên Cao Văn K và Giấy phép lái xe hạng A1, số 870191407459 tên Cao Vũ L là giả.

Trong quá trình điều tra, Cao Vũ L khai nhận, giấy phép lái xe hạng A1 tên Cao Vũ L nhận được từ K, L chỉ cất giữ ở nơi L đi làm thuê, chưa sử dụng.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKSHCL ngày 22/11/2020 của Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh đã truy tố các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K, Nguyễn Văn G về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật, phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với các bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K, Nguyễn Văn G phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 (Riêng bị cáo K áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo Cao Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Cao Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Văn G từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407322 tên Cao Văn K và giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407459 tên Cao Vũ L (là vật chứng trong vụ án).

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai trái, các bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi mà các bị cáo đã gây ra và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 65/CT-VKSHCL ngày 22/11/2020 của Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của các bị cáo. Vào giữa tháng 01/2020, Nguyễn Văn G là người cùng xóm, đến nhà Cao Văn T chơi thì nghe Tài nói do hai con thường xuyên đi làm xa

không có giấy phép lái xe nên có nhu cầu tìm mua giấy phép lái xe hạng A1 giả cho hai con là Cao Văn K và Cao Vũ L. Do trước đó G được tài khoản Facebook có tên Thư M kết bạn và giới thiệu dịch vụ nhận làm các loại giấy tờ giả nên Nguyễn Văn G đã đồng ý đặt mua theo yêu cầu của bị cáo T. Sau khi bị cáo G liên hệ được với tài khoản Facebook Thư M, thỏa thuận giá cả 02 giấy phép lái xe hạng A1 với số tiền là 2.400.000 đồng thì Nguyễn Văn G đã liên lạc với Cao Văn T yêu cầu Tài cung cấp Giấy chứng minh nhân dân cùng ảnh của Cao Văn K và Cao Vũ L để chụp ảnh gửi qua tài khoản Thư M để làm giấy phép lái xe. Tám ngày sau, G gọi điện thoại kêu K đi đến Trạm y tế xã B huyện N gặp một người đàn ông lạ mặt không rõ nhân thân nhận hàng. Sau khi Cao Văn K nhận được giấy phép lái xe giả về sử dụng thì bị phát hiện.

Tại Bản kết luận giám định số 196/KL-KTHS ngày 06/3/2020, 312/KL-KTHS ngày 16/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đã kết luận: Giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407322 tên Cao Văn K và Giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407459 tên Cao Vũ L là giả.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh đã truy tố các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như sau:

"*1/ Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm".*

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu. Tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ đơn giản. Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là cố ý, mặc dù có trình độ nhận thức về xã hội nhất định nhưng vì lợi ích cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, biết hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật.

Đánh giá tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Cao Văn T là người trưởng thành có đủ khả năng, trình độ nhận thức và biết rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì mối quan hệ gia đình nên khi thấy 02 con là Cao Văn K và Cao Vũ L thường xuyên đi làm xa

không có điều kiện thi giấy phép lái xe thì bị cáo đã nhờ bị cáo Nguyễn Văn G tìm người để làm cho bằng được giấy phép lái xe giả. Bị cáo G biết rõ yêu cầu của Tài là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã tìm cách liên hệ dò hỏi rồi móc nối với tài khoản Facebook Thư M để làm giấy tờ giả. Bị cáo đã rất tích cực trong việc thỏa thuận giá, đưa chuyển thông tin, giấy tờ trong việc làm bằng giả mang tên Cao Văn K, Cao Vũ L. Bị cáo K không được cấp giấy phép lái xe đúng quy định và biết giấy phép lái xe A1 số 870191407322 tên Cao Văn K do bị cáo T nhờ bị cáo G tìm người làm là giả nhưng vẫn sử dụng để lái xe. Bị cáo biết việc sử dụng các giấy tờ giả để được lái xe là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện là lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý hành chính và nguy hại cho xã hội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Cao Văn K có ông ngoại Nguyễn Văn Trắng là liệt sĩ. Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Riêng bị cáo K áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết. Xét thấy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, sống có ích cho xã hội. Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G là hoàn toàn có căn cứ và cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không có nên không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Đối với giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407322 tên Cao Văn K và giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407459 tên Cao Vũ L cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Cao Vũ L sau khi nhận được giấy phép lái xe của bị cáo K nhận về, L cất giữ không mang theo sử dụng. Quá trình điều tra, L đã giao nộp

giấy phép lái xe có tên Cao Vũ L cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra. Do đó hành vi của L không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với đối tượng có liên quan trong vụ án theo lời khai của các bị cáo là chủ tài khoản facebook tên Thư M: Do chưa xác định rõ được nhân thân lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được. Khi nào xác định được sẽ điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh về tội danh, khung hình phạt của tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, vật chứng. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Văn K.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn G.

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Cao Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nhận được Quyết định thi hành án và bản án.

- Bị cáo Cao Văn K 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nhận được Quyết định thi hành án và bản án.

- Bị cáo Nguyễn Văn G 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nhận được Quyết định thi hành án và bản án.

Buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G cho Ủy ban nhân dân xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407322 tên Cao Văn K và 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 870191407459 tên Cao Vũ L.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Cao Văn T, Cao Văn K và Nguyễn Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Công an huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Phong